TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 -AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **75**/2026/HNGĐ-ST. Ngày: 29/4/2026. V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Lập.

2. Ông Phạm Văn Tài.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Anh Núi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2026 và thông báo dời phiên toà số 04/2026/TB-TA ngày 21 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Đức D (T)**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ F, ấp P, xã M, tỉnh An Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị O**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ F, ấp P, xã M, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Đức D trình bày:***

- *Về hôn nhân*: Năm 2010 anh Lê Đức D và chị Lê Thị O tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện

H, tỉnh Kiên Giang (nay là xã M, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/12/2010. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì anh D và chị O bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, mà chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh và chị O thường xuyên cự cãi nhau, không khí gia đình ngày càng căng thẳng không giải quyết được, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng tình hình không thay đổi. Do cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nhau nên anh D làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị O.

- *Về con chung*: Anh Lê Đức D và chị Lê Thị O có 03 người con chung tên Lê Kim Gia T1, sinh ngày 16/3/2011; Lê Hoàng Nhật T2, sinh ngày 09/11/2016 và Lê Thị Cẩm T3, sinh ngày 07/8/2023. Ly hôn, anh D đồng ý để chị O được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 người con chung cho đến tuổi thành niên và không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà; anh Lê Đức D có ý kiến nếu các con chung có nguyện vọng muốn sống với anh thì anh D đồng ý nuôi dưỡng các con chung cho đến tuổi thành niên và anh không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con.

**** Bị đơn chị Lê Thị O trình bày:***

- *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị O thống nhất lời trình bày của anh Lê Đức D về quá trình anh chị đi đến hôn nhân; mâu thuẫn giữa chị và anh D là do tính tình không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau, hiện chị và anh D đã sống ly thân với nhau đã được gần 03 năm. Nay anh D yêu cầu ly hôn với chị O thì chị O cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Chị O thống nhất giữa chị và anh D có 03 người con chung tên Lê Kim Gia T1, sinh ngày 16/3/2011; Lê Hoàng Nhật T2, sinh ngày 09/11/2016 và Lê Thị Cẩm T3, sinh ngày 07/8/2023. Ly hôn, chị O yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 người con chung cho đến tuổi thành niên và chị O yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng/người con chung, cấp dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị O và anh D sẽ tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu không thoả thuận được thì chị O và anh D sẽ khởi kiện ở vụ kiện khác.

Tại phiên toà; chị Lê Thị O thống nhất nếu các con chung có nguyện vọng muốn sống cùng với cha hay mẹ thì chị O đều đồng ý; nếu chị nuôi dưỡng thì anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

** Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự;

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Đức D.

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đức D với chị Lê Thị O;

Về con chung: Giao cháu Lê Kim Gia T1 và Lê Hoàng Nhật T2 cho anh Lê Đức D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên;

Giao cháu Lê Thị Cẩm T3 cho chị Lê Thị O được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T3 thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Lê Đức D phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Cẩm T3 theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét vì các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn anh Lê Đức D yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị O. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn chị Lê Thị O cư trú tại ấp P, xã M, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự HĐXX có cơ sở xác định: Vào năm 2010, anh Lê Đức D và chị Lê Thị O xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh D và chị O có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là xã M, tỉnh An Giang) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/02/2010. Như vậy, hôn nhân giữa anh Lê Đức D và chị Lê Thị O là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Sau thời gian về chung sống với nhau thì giữa anh D và chị O có phát sinh mâu thuẫn, mà theo lời trình bày của anh D cho rằng thì mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh và chị O thường xuyên cự cãi nhau, không khí gia đình ngày càng căng thẳng không giải quyết được, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng tình hình không thay đổi. Vì vậy đến năm 2023 thì anh D và chị O đã sống ly thân với nhau, trong thời gian sống ly thân anh D và chị O không còn quan tâm hay thực hiện nghĩa vụ chung vợ chồng. Thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa anh và chị O không còn nên anh D cương quyết ly hôn với chị O. Phía chị O cũng thừa nhận rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh D có phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không có tiếng nói chung nên anh D yêu cầu ly hôn thì chị O đồng ý; điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh D và chị O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đức D và chị Lê Thị O.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Có 03 người con chung tên Lê Kim Gia T1, sinh ngày 16/3/2011; Lê Hoàng Nhật T2, sinh ngày 09/11/2016 và Lê Thị Cẩm T3, sinh ngày 07/8/2023.

Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Từ khi anh D và chị O sống ly thân với nhau cho đến nay thì các con chung đều do chị O là người trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên toà anh D và chị O đều thống nhất nếu các con (cả 03 người con chung) có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi và bên còn lại sẽ đồng ý. Tại bản tự khai ngày 10/4/2026 của Lê Kim Gia T1 và Lê Hoàng Nhật T2 đều có ý kiến là muốn được chung sống cùng với cha khi cha mẹ ly hôn. Hơn nữa anh D và chị O đều xác nhận trong thời gian anh chị sống ly thân với nhau thì anh D cũng thường xuyên đến chăm sóc các con chung. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất giao Lê Kim Gia T1 và Lê Hoàng Nhật T2 cho anh Lê Đức D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên là phù hợp.

Đối với Lê Thị Cẩm T3, sinh ngày 07/8/2023; tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2026) thì Cẩm T3 chưa đủ 36 tháng tuổi thì theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định " Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Tuy nhiên, cả anh D và chị O đều xác định yêu cầu nuôi cả 03 người con chung chứ không đồng ý chia các con để nuôi dưỡng đây là sự thoả thuận nhằm phù hợp với lợi ích của con. Mặc khác, hiện anh D đang làm nghề xây dựng nên có đủ điều kiện kinh tế để chăm lo cho các con được tốt hơn. Hơn nữa, HĐXX đã giao cháu Lê Kim Gia T1 và Lê Hoàng Nhật T2 cho anh Lê Đức D được chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con.

Do đó, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của các con, giúp con phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần, nên HĐXX thống nhất giao Lê Thị Cẩm T3, sinh ngày 07/8/2023 cho anh Lê Đức D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh D không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Anh D1 và chị O đều xác định tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[3] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang là có cơ sở nên được HĐXX xem xét và chấp nhận trong quá trình nghị án.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì anh Lê Đức D và chị Lê Thị O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 và Điều 280 BLTTDS năm 2015.

- Áp dụng các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đức D và chị Lê Thị O.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Kim Gia T1, sinh ngày 16/3/2011, Lê Hoàng Nhật T2, sinh ngày 09/11/2016 và Lê Thị Cẩm T3, sinh ngày 07/8/2023 cho anh Lê Đức D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian anh D nuôi con, chị O được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện ở vụ kiện khác.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Lê Đức D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và chị Lê Thị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Nhưng anh D tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004301 ngày 14/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, anh D và chị O không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/4/2026).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4 - An Giang;
- Phòng THADS khu vực 4 - An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Hồng Điệp